TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trương Quang Vinh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Lường, chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên, chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 522/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 33/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14/6/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Y K T Ayŭn, sinh ngày 21/8/1980. (có mặt)

Địa chỉ: Buôn P, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Chị H B Niê, sinh ngày 10/5/1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn P, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn Anh Y K T Ayŭn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi (Y K T Ayŭn) và chị H B Niê đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyên, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea K, huyện K, tỉnh Đ vào ngày 15 tháng 3 năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15.

Sau khi về chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của vợ chồng không hợp, bất

đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 04 con chung: cháu Y Ph Niê, sinh ngày 25/9/1999; cháu Y K Niê, sinh ngày 20/01/2002; cháu Y T A Niê, sinh ngày 05/01/2012; cháu Y T E Niê, sinh ngày 05/01/2012.

Nguyện vọng của anh Y K T Ayũn là giao hai cháu Y T A Niê và cháu Y T E Niê cho chị H B Niê chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Anh Y K T Ayũn tự nguyện cấp dưỡng để chị H B Niê chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Y T A Niê và cháu Y T E Niê cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu (Một triệu đồng/1tháng/1cháu).

Đối với hai cháu Y Ph Niê, Y K Niê đã trên 18 tuổi nên anh Y K T Ayũn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Y K T Ayũn và chị H B Niê và triệu tập anh Y K T Ayũn và chị H B Niê đến Toà án làm việc lập bản tự khai, tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Hoà giải. Tuy nhiên chị H B Niê vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Phần tranh luận:**

- Nguyên đơn Anh Y K T Ayũn trình bày ý kiến tranh luận: Tôi và chị H B Niê đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2005 tại UBND xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 11 năm, đến năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, như vậy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

Về con chung: Khi tôi bỏ về nhà bố mẹ sinh sống thì 04 con chung sống với chị H B Niê. Đối với hai cháu Y Ph Niê, Y K Niê đã trên 18 tuổi nên việc các cháu ở với ai thì tuỳ các cháu. Đối với hai cháu Y T A Niê, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Y T E Niê, sinh ngày 05/01/2012 thì tôi đề nghị giao cho mẹ nuôi vì trên thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân thì hai cháu ở với mẹ. Trong quá trình làm bản tự khai, tôi xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu. Tại phiên toà hôm nay, tôi xin thay đổi mức cấp dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.500.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Y K T Ayũn được ly hôn với chị H B Niê.

- Về con chung: Giao hai cháu Y T A Niê, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Y T E Niê, sinh ngày 05/01/2012 cho chị H B Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với hai cháu Y Ph Niê, Y K Niê đã trên 18 tuổi, việc các cháu ở với bố hoặc mẹ tùy vào chí của các cháu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện việc anh Y K T Ayũn cấp dưỡng để chị H B Niê chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Y T A Niê và cháu Y T E Niê cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y K T Ayũn không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm anh Y K T Ayũn khởi kiện, bị đơn chị H B Niê đăng ký hộ khẩu thường trú tại Buôn P, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đ, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của anh Y K T Ayũn đề ngày 13/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị H B Niê: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số

33/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14/6/2024, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024 cho bị đơn chị H B Niê. Tuy nhiên chị H B Niê vắng mặt không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn Chị H B Niê.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Y K T Ayũn và chị H B Niê có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15 tháng 3 năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Y K T Ayũn và chị H B Niê là hợp pháp. Trong quá trình lập bản tự khai, anh Y Ku Ty xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do chị H B Niê không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H B Niê, để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân giữa anh Y K T Ayũn và chị H B Niê. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục số 34) cho thấy: "Anh Y K T Ayũn và chị H B Niê sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị H B Niê đã cùng các con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016 đến nay". Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy có đủ cơ sở chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh Y Ku Ty Ayũn và chị H B Niê đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Y K T Ayũn, cho anh Y K T Ayũn được ly hôn với chị H B Niê là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Y K T Ayũn và Chị H B Niê có 04 con chung. Riêng đối với hai cháu Y Ph Niê, sinh ngày 25/9/1999 và cháu Y K Niê, sinh ngày 20/01/2002 đã trên 18 tuổi, Việc các cháu ở với bố hoặc mẹ do các cháu tự quyết định, HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với hai cháu Y T A Niê, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Y T E Niê, sinh ngày 05/01/2012 hiện nay chưa đủ 18 tuổi nên cần giao người chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Để có căn cứ pháp lý giao các cháu cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị H B Niê đến Tòa án làm việc và đưa các cháu Y T A Niê và cháu Y T E Niê đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của các cháu nhưng chị H B Niê không thực hiện. Ngày 26/3/2024, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đã trực tiếp đến nhà chị H B Niê, trú tại Buôn P, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đ để ghi nhận ý kiến của hai cháu có nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ khi bố mẹ ly hôn nhưng không thực hiện được vì chị H B Niê và hai cháu không có mặt ở nhà. Theo kết quả

xác minh tại địa phương, thì sau khi anh Y K T Ayũn bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016 đến nay, hai cháu Y T A Niê và cháu Y T E Niê ở với chị H B Niê. Tại phiên toà, anh Y K T Ayũn có nguyện vọng giao hai con chung cho chị H Bic chăm sóc nuôi dưỡng, do vậy HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Theo kết quả xác minh tại địa phương, hiện nay anh Y K T Ayũn không có nghề nghiệp ổn định nên không xác định được mức thu nhập cụ thể. Tại phiên tòa, anh Y K T Ayũn tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, do vậy HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y K T Ayũn không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Y K T Ayũn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Y K T Ayũn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Y K T Ayũn được ly hôn với chị H B Niê.

[2] Về con chung: Giao hai cháu Y T A Niê, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Y T E Niê, sinh ngày 05/01/2012 cho chị H B Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y T A Niê và cháu Y T E Niê, đủ 18 tuổi.

Đối với Y Ph Niê, sinh ngày 25/9/1999 và Y K Niê, sinh ngày 20/01/2002 đã trên 18 tuổi, việc các cháu ở với bố hoặc mẹ do các cháu tự quyết định, nên không đề cập giải quyết.

Anh Y K T Ayũn được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh Y K T Ayũn không được lạm dụng việc thăm nom

con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chấp nhận việc anh Y K T Ayũn cấp dưỡng để chị H B Niê chăm sóc nuôi dưỡng cháu Y T A Niê, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Y T E Niê, sinh ngày 05/01/201 mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Y T A Niê, Y T E Niê đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y K T Ayũn không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Y K T Ayũn chấp nhận nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003628 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[5.2] Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y K T Ayũn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Y K T Ayũn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị H B Niê được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Quang Vinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea K;
- Lưu hồ sơ, V.P.